

BỘ XÂY DỰNG
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 424 /ĐKVN-PTGTĐB

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2026

V/v các xe cơ giới, XMCD đã được cắt giảm khối danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Kính gửi:

- Cục Hải quan – Bộ Tài chính
- Ban Giám sát quản lý – Cục Hải quan

Thời gian vừa qua, Cục Đăng kiểm Việt Nam (ĐKVN) nhận được nhiều phản ánh của các doanh nghiệp nhập khẩu xe máy chuyên dùng liên quan đến các mặt hàng xe máy chuyên dùng đã được cắt giảm khối danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và hiện giờ đang bị ách tắc trong khâu giải quyết thủ tục nhập khẩu của cơ quan Hải quan tại cửa khẩu cảng.

Trên cơ sở các phản ánh của các doanh nghiệp nhập khẩu và qua quá trình rà soát các quy định của pháp luật có liên quan, Cục ĐKVN nhận thấy có một số ý kiến cần trao đổi với Cục Hải quan – Bộ Tài chính liên quan đến các trường hợp các sản phẩm, hàng hóa đã được cắt giảm khối danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, cụ thể như sau:

Trước thời điểm 31/12/2025, danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng được quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-BGTVT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc cắt giảm thủ tục hành chính, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025¹, trong đó có nội dung cắt giảm một số mặt hàng khối danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng² để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, cụ thể là một số xe cơ giới như: ô tô chở phạm nhân, sơ mi rơ moóc băng tải... một số xe máy chuyên dùng như: xe nâng, xe đưa hành khách khuyết tật lên máy bay, xe lu, xe chở nước sạch cho máy bay ...(chi tiết được nêu trong Phụ lục I đính kèm văn bản này).

Qua rà soát các quy định của pháp luật có liên quan, Cục ĐKVN nhận thấy:

¹ Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

² Danh mục danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng được ban hành căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Các mặt hàng là phương tiện (xe cơ giới, xe máy chuyên dùng) được cắt giảm nêu trên tuy đã được cắt giảm khỏi danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng (danh mục được ban hành theo quy định của pháp luật về Chất lượng sản phẩm, hàng hóa) nhưng hiện vẫn thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về Trật tự, an toàn giao thông đường bộ do các mặt hàng này vẫn là phương tiện thuộc danh mục quy định tại Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT³ và phải bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường khi nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 của Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15; phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường khi tham gia giao thông đường bộ theo quy định của Điều 42 của Luật này. Thực hiện nhiệm vụ của Luật số 36/2024/QH15 giao, Bộ Xây dựng đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để quản lý phương tiện trong nhập khẩu, sản xuất lắp ráp và tham gia giao thông (*chi tiết được nêu tại Phụ lục II đính kèm văn bản này*).

Như vậy theo cách hiểu của Cục ĐKVN thì mặc dù các phương tiện nêu trên đã được cắt giảm khỏi danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng nhưng vẫn phải thực hiện các quy định của pháp luật về Trật tự an toàn giao thông đường bộ nên xe cơ giới, xe máy chuyên dùng này phù hợp với đối tượng được quy định tại điểm k khoản 2 Điều 1⁴ của Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ngày 19/04/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng (không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg). Bên cạnh đó theo cách hiểu của Cục ĐKVN thì các phương tiện nêu trên được gọi là **phương tiện** chứ không phải là máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ.

Trên đây là ý kiến trao đổi của Cục ĐKVN gửi Cục Hải quan, Ban Quản lý giám sát Hải quan liên quan đến các phương tiện đã được cắt giảm khỏi danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng để Quý Cục xem xét, phối hợp thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, PTGTĐB.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Tô An

³ Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phân loại phương tiện giao thông đường bộ và dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường được ban hành theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

⁴ Điểm k khoản 2 Điều 1 Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg quy định không áp dụng đối với “Máy móc, thiết bị thuộc lĩnh vực chuyên ngành mà các bộ, cơ quan ngang bộ đã có văn bản quy phạm pháp luật để quản lý”.



Phụ lục I

(kèm theo Văn bản số: 424 /ĐKVN-PTGTĐB ngày 06 tháng 02 năm 2026)

**DANH MỤC CÁC XE CƠ GIỚI, XE MÁY CHUYÊN DỤNG ĐÃ ĐƯỢC
CẮT GIẢM**

(có ở Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-BGTVT nhưng
không còn ở Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 71/2025/TT-BXD)

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã HS (theo Thông tư 62/2024/TT-BGTVT)
1	Ô tô chở phạm nhân	87.03
2	Sơ mi rơ moóc kiểu dolly	8716.40.00
3	Sơ mi rơ moóc băng tải	8716.40.00
4	Rơ moóc rải phụ gia làm đường	8716.40.00
5	Xe kéo trong kho bãi, nhà xưởng	87.01
6	Xe phun tưới chất lỏng	8705.90.50
7	Xe băng tải	8705.90.50
8	Xe nâng	8427.10.00 8427.20.00
9	Xe đưa hành khách khuyết tật lên máy bay	8705.90.50
10	Xe quét, chà sàn	8705.90.50
11	Xe cào, vận chuyển vật liệu (máy cào, vận chuyển vật liệu	84.30
12	Xe cạp (máy cạp)	84.29.30.00
13	Xe hút bùn, bể phốt	8705.90.50
14	Xe cứu thương lưu động	87.03
15	Xe cần cẩu bánh xích (cần trục bánh xích) - Loại có buồng lái và buồng điều khiển cơ cấu công tác riêng biệt	8705.10.00
16	Xe lu loại khác	8429.40.90
17	Xe kéo bánh xích	8701.30.00
18	Xe đóng cọc và nhổ cọc (máy đóng cọc và nhổ cọc)	8430.10.00
19	Xe chở nước sạch cho máy bay (có cơ cấu cấp nước sạch cho máy bay)	87.09



Phụ lục II

(kèm theo Văn bản số: 424 /ĐKVN-PTGTĐB ngày 06 tháng 02 năm 2026)

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO BỘ XÂY DỰNG BAN HÀNH ĐỂ QUẢN LÝ XE CƠ GIỚI, XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu.
2. Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp.
3. Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.
4. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô QCVN 09:2024/BGTVT.
5. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với rơ moóc và sơ mi rơ moóc QCVN 11:2024/BGTVT.
6. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ QCVN 118:2024/BGTVT.
7. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ QCVN 119:2024/BGTVT.
8. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô, xe gắn máy QCVN 14:2024/BGTVT.
9. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng QCVN 13:2024/BGTVT.
10. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trong kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường QCVN 122:2024/BGTVT.